

# XÂY DỰNG THANG ĐO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIỂU HỌC

MAI THẾ HÙNG ANH

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế  
Email: maithehunganh@dhsphue.edu.vn

**Tóm tắt:** Năng lực tự học là một trong những năng lực cốt lõi trong thời đại mới. Để đánh giá năng lực tự học của người học, cụ thể là sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học cần thiết có một thang đo với những biểu hiện cụ thể. Do đó, trong bài báo này, chúng tôi nghiên cứu đề xuất thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học với mong muốn góp phần phát triển khả năng tự học và nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên sau khi xác định các cơ sở xây dựng, thiết kế quy trình xây dựng thang đo và khung năng lực tự học.

**Từ khóa:** Năng lực tự học, sinh viên Sư phạm Tiểu học, thang đo năng lực tự học.

## 1. MỞ ĐẦU

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư - còn được gọi là cách mạng công nghiệp thế hệ 4.0 đang tạo ra những tác động mạnh mẽ chưa từng có, gây ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống con người trong thế kỷ 21. Cuộc cách mạng này sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế, xã hội toàn cầu, trong đó có nền giáo dục. Nó đặt ra những vấn đề cấp bách cho nền giáo dục, nếu coi giáo dục trong đó có giáo dục đại học là bước chuẩn bị hành trang cần thiết cho người học tự tin bước vào cuộc sống, thì nhà trường cần trang bị một cách đầy đủ những kỹ năng cần thiết cho họ, không chỉ cho hiện tại mà còn cả tương lai.

Trước những đòi hỏi của thực tiễn, nước ta đang trên con đường hội nhập và phát triển thì đổi mới giáo dục, trong đó đổi mới phương pháp dạy học là hết sức cần thiết. Luật giáo dục 2015 điều 40.2 có ghi “Phương pháp đào tạo trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng”. Nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 đã đề ra giải pháp: “Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học”. Đứng trước thực trạng đổi mới phương pháp dạy học ở phổ thông và yêu cầu đổi mới giáo dục ở đại học, việc đổi mới ở các trường Đại học Sư phạm theo hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp của giáo viên là tất yếu và cần thiết.

Là người giáo viên tương lai, khả năng tự học của sinh viên sư phạm có vai trò vô cùng quan trọng trong môi trường Đại học. Tự học nhằm phát huy tính tự giác học và nghiên

cứu của sinh viên, qua đó góp phần giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy và sáng tạo của cá nhân. Mặt khác, khi tự học sinh viên có thể chủ động được quỹ thời gian, có thể học bất cứ lúc nào mà không bị ràng buộc, từ đó giúp sinh viên nắm kiến thức vững chắc, có thể hiểu sâu và nhớ kỹ hơn các vấn đề. Ngoài ra, việc tự học còn nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác làm việc theo nhóm, khi đó sinh viên có thể thể hiện tính sáng tạo trong tư duy và linh hoạt nhạy bén trong suy nghĩ, điều quan trọng hơn hết là sinh viên có thể đi sâu hơn so với thực tế nhằm rèn luyện kỹ năng phân tích tình hình và đưa ra quyết định, đây là một yếu tố cần và đủ để sau này khi rời khỏi ghế nhà trường sinh viên sẽ không ngỡ ngàng khi làm việc ở môi trường thực tế.

Trong thực tế dạy học sinh viên, chúng tôi nhận thấy việc tự học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Huế chưa thật sự hiệu quả, đặc biệt là những sinh viên mới bắt đầu làm quen với môi trường đại học chưa thật sự tìm được một phương pháp tự học thích hợp. Bên cạnh đó, việc tự đánh giá khả năng, hiệu quả tự học từ chính bản thân sinh viên và sự đánh giá từ phía giảng viên diễn ra chưa đúng với thực chất, thiếu tính hệ thống và mang tính chủ quan trong quá trình giảng dạy và học tập của một số học phần. Điều này về lâu dài có thể dẫn đến tính linh động trong học tập của sinh viên không cao và sẽ khó thích nghi trong những bối cảnh làm việc mới.

Từ những quan điểm trên, chúng tôi nghiên cứu *Xây dựng thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học* với mục đích tạo ra các căn cứ tiêu chí cùng với những biểu hiện cụ thể để đánh giá khả năng tự học của sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học một cách có hiệu quả, góp phần phát triển năng lực tự học suốt đời cho sinh viên.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái quát về năng lực tự học

#### 2.1.1. Cơ sở pháp lý của năng lực tự học

Mục 3 - Điều 34. *Nhiệm vụ của giáo viên* trong Thông tư số: 41/2010/TT-BGDĐT Ban hành Điều lệ Trường Tiểu học ghi rõ: Giáo viên không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Điều 5 - Tiêu chuẩn 2. *Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ*, trong chương II, *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên*, Ban hành theo thông tư số 20/2-18/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân, qui định 3 mức hoàn thành nhiệm vụ (đạt, khá, tốt) của giáo viên phổ thông, trong đó có qui định về quá trình tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn bản thân.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học của khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Huế có 6 tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn 6: *Năng lực phát triển nghề nghiệp* (5 tiêu chí), trong đó tiêu chí 2 thể hiện rõ: Sinh viên có năng lực tự học nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện sức khỏe.

Từ các cơ sở pháp lý trên cho thấy, người giáo viên phổ thông ngoài công tác giáo dục cần phải thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp

ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Chính vì vậy, năng lực tự học để phát triển bản thân đóng vai trò then chốt. Do đó, việc phát triển năng lực tự học cho sinh viên ngay trên giảng đường đại học là vô cùng quan trọng.

### **2.1.2. Quan điểm năng lực tự học**

#### **Năng lực**

Theo quan điểm của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thế giới (OECD) cho rằng: Năng lực là khả năng đáp ứng hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong bối cảnh cụ thể.

Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2016) trong *Lí luận dạy học hiện đại* nhận định: “Năng lực là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm các nhiệm vụ, giải quyết vấn đề trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí khác như động cơ, ý chí, quan niệm, giá trị,... suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng hành động” [2].

Trong nghiên cứu của Phạm Thị Hồng Tú (2018), năng lực chính là khả năng của mỗi cá nhân được thể hiện ở sự huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí như hứng thú, niềm tin, ý chí,... để thực hiện thành công một loại công việc trong một bối cảnh nhất định [8].

Từ những quan điểm trên, có thể hiểu năng lực là khả năng của cá nhân thực hiện có hiệu quả những vấn đề phức hợp trong những bối cảnh không khuôn mẫu.

#### **Tự học**

Nhận định về vấn đề tự học đã có nhiều tác giả đưa ra nhiều quan điểm:

Nguyễn Cảnh Toàn (2002) trong *Phương pháp dạy và học đại học* cho rằng, tự học là tự mình động não, suy nghĩ sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp,...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất, động cơ, cả nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó thành sở hữu của mình [7].

Tác giả Nguyễn Hiến Lê (2007) quan niệm, tự học là không ai bắt buộc mình mà tự mình tìm tòi, học hỏi để hiểu biết thêm. Tự học là quá trình học tập một cách tự giác, tự nguyện, tự vạch ra kế hoạch để học tập, tự lựa chọn nội dung, phương pháp, sắp xếp thời gian hợp lí với đặc điểm, phương tiện thích hợp để lĩnh hội tri thức, kĩ năng học tập, giá trị làm người [5].

Qua phân tích nội hàm quan điểm của những tác giả trên, chúng tôi cho rằng tự học là quá trình lĩnh hội những tri thức, kinh nghiệm trong thực tiễn hoạt động thông qua hoạt động độc lập, tích cực, chủ động, tự giác, chủ yếu mang tính cá nhân của người học. Tự học có nghĩa là người học độc lập xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập cho mình, tự năng động tìm tòi, phân tích tài liệu tiến tới làm chủ tri thức.

#### **Năng lực tự học**

Năng lực tự học là khả năng hoàn thành hiệu quả các nhiệm vụ học tập một cách độc lập và biểu hiện thông qua các kỹ năng tự học. Ở đây có thể hiểu kỹ năng chính là mặt kỹ thuật của năng lực và kỹ năng tự học là phương thức hành động trên cơ sở lựa chọn và vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để thực hiện có kết quả mục tiêu học tập đặt ra. Do đó, để tự học thành công, sinh viên sư phạm phải có những kỹ năng tự học tương ứng với các nhóm năng lực tham gia vào quá trình thực hiện yêu cầu tự học [3].

Theo tác giả Lê Công Triêm, năng lực tự học là khả năng tự mình tìm tòi, nhận thức và vận dụng kiến thức vào tình huống mới hoặc tương tự với chất lượng cao [9].

Năng lực tự học theo nhận định của Lê Thanh Huy là khả năng tự mình sử dụng các năng lực trí tuệ và có khi cả hành động cùng các động cơ, tình cảm,... để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình. Năng lực tự học là năng lực tự giải quyết được các nhiệm vụ, bài toán, tình huống tương tự tình huống đã học, có thay đổi về vật liệu, nhưng cùng chất liệu với bài toán, tình huống, nhiệm vụ được học [4].

Khái quát từ các quan điểm trên có thể nhận thấy rằng, năng lực tự học là khả năng thực hiện có hiệu quả một nhiệm vụ trong một bối cảnh xác định một cách độc lập và chủ động trên cơ sở vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm và giá trị của bản thân.

## **2.2. Xây dựng thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học**

### **2.2.1. Quy trình xây dựng thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học**

Để xây dựng thang đo đánh giá năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học, chúng tôi đã nghiên cứu thiết kế quy trình xây dựng thang đo năng lực gồm 4 bước:

Bước 1: Tổng quan tài liệu, xác định các căn cứ xây dựng thang đo năng lực tự học

Chúng tôi nghiên cứu các tài liệu, bài báo trong nước và quốc tế về năng lực tự học nói chung và năng lực tự học của sinh viên nói riêng để có cái nhìn tổng quan về năng lực tự học cho đối tượng là sinh viên. Để xây dựng thang đo năng lực tự học phù hợp với đối tượng là sinh viên, chúng tôi dựa trên các căn cứ pháp lý làm nền tảng như báo cáo ở phần 2.1.1.

Bước 2: Xây dựng khung năng lực tự học

Dựa trên các căn cứ pháp lý, phân tích các nguồn tài liệu về năng lực tự học và thực trạng tự học của sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học từ đó xác định, đề xuất các năng lực tự học thành phần và các tiêu chí cho từng năng lực đó [1], [3], [6], [8].

Bước 3: Xin ý kiến chuyên gia, khảo sát và phân tích độ tin cậy, độ giá trị của khung năng lực tự học

Để kiểm chứng độ giá trị và tin cậy của khung năng lực tự học, sau khi chúng tôi tiến hành xin ý kiến chuyên gia thông qua bảng hỏi, chúng tôi tiến hành khảo sát lấy ý kiến

trên 60 sinh viên từ đó phân tích độ tin cậy và độ giá trị bằng phần mềm SPSS 20 và hoàn thiện lại khung năng lực tự học.

Bước 4: Xây dựng các mức độ biểu hiện cho từng tiêu chí và hoàn thiện thang đo năng lực.

Trên cơ sở cấu trúc khung năng lực tự học, chúng tôi tiếp tục đề xuất các mức độ biểu hiện cụ thể cho từng tiêu chí gồm 4 mức độ theo thứ tự năng lực tăng dần từ mức 1 đến mức 4, rồi hoàn thiện lại thang đo năng lực tự học phù hợp cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học.

### **2.2.2. Cấu trúc năng lực tự học dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học**

Trên cơ sở các năng lực thành phần của năng lực tự học mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất dành cho đối tượng là học sinh và cấu trúc năng lực tự học của một số nghiên cứu khác [1], [6]. Chúng tôi đề xuất cấu trúc khung năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học theo bảng 1.

Cấu trúc năng lực tự học đã được tiến hành khảo sát trên mẫu gồm 60 sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở các khối lớp, trong đó có 7 sinh viên khối năm thứ nhất, 11 sinh viên khối năm thứ hai, 22 sinh viên khối năm thứ 3 và 20 sinh viên khối năm thứ tư. Phiếu khảo sát là bảng hỏi về ý kiến của sinh viên liên quan đến tầm quan trọng cho 08 tiêu chí cấu thành 03 năng lực tự học thành phần, gồm 05 mức: 1. Hoàn toàn không quan trọng, 2. Không quan trọng, 3. Bình thường, 4. Quan trọng, 5. Rất quan trọng.

Để xác định độ tin cậy và độ giá trị chúng tôi đã tiến hành phân tích trên phần mềm thống kê SPSS20.

Kết quả thống kê thông thường đo lường độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha cho các năng lực thành phần: Xác định mục tiêu, nhiệm vụ tự học (2 tiêu chí); Xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học (4 tiêu chí); Thực hiện tự đánh giá, điều chỉnh hoạt động tự học (2 tiêu chí) lần lượt là 0.70; 0.81 và 0.75 đều lớn hơn 0.6. Kết quả cho thấy cấu trúc năng lực tự học được chúng tôi xây dựng có độ tin cậy tương đối cao.

Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis) cho 08 tiêu chí của khung đo năng lực tự học, hệ số KMO thu được là 0.762 thỏa mãn yêu cầu kiểm định, chứng tỏ cấu trúc năng lực tự học có độ giá trị tương đối tốt.

Bảng 1. Cấu trúc khung năng lực tự học

<b>Khung năng lực tự học</b>		
<b>Xác định mục tiêu, nhiệm vụ tự học</b>	<b>Xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học</b>	<b>Thực hiện tự đánh giá, điều chỉnh hoạt động tự học</b>

Xác định mục tiêu học tập.	Xác định các nhiệm vụ tự học nhằm đạt mục tiêu.	Xác định, lựa chọn phương án nhằm thực hiện nhiệm vụ tự học.	Dự kiến kết quả/sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ tự học.	Lập kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ tự học.	Sử dụng nguồn phương tiện hỗ trợ tự học.	Thực hiện tự đánh giá	Điều chỉnh hoạt động tự học.
----------------------------	---	--	--	--	--	-----------------------	------------------------------

### 2.2.3. Thang đo năng lực tự học dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học

Dựa theo qui trình xây dựng thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, chúng tôi thiết kế thang đo năng lực tự học với 03 năng lực thành phần và 08 tiêu chí, mỗi tiêu chí có 04 mức độ biểu hiện theo chiều hướng năng lực tăng dần từ mức 1 đến mức 4, được trình bày cụ thể ở bảng 2.

Bảng 2. Thang đo năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học

Năng lực thành phần	Tiêu chí	Mức độ biểu hiện			
		Mức 1 (1 điểm)	Mức 2 (2 điểm)	Mức 3 (3 điểm)	Mức 4 (4 điểm)
Xác định mục tiêu, nhiệm vụ tự học.	1. Xác định mục tiêu học tập (kiến thức, kĩ năng, năng lực,...cần đạt).	Chưa xác định được mục tiêu học tập.	Còn lúng túng, xác định chưa rõ mục tiêu học tập, cần sự trợ giúp của giảng viên.	Tự mình xác định mục tiêu học tập nhanh chóng, rõ ràng.	Tự mình xác định mục tiêu học tập nhanh chóng, rõ ràng. Hướng dẫn được bạn trong quá trình tự xác định mục tiêu học tập.
	2. Xác định các nhiệm vụ tự học nhằm đạt mục tiêu.	Chưa xác định được các nhiệm vụ tự học.	Còn lúng túng khi xác định các nhiệm vụ tự học, cần sự giúp đỡ của giảng viên.	Tự mình xác định các nhiệm vụ tự học cụ thể, rõ ràng.	Tự bản thân, hướng dẫn được bạn trong việc xác định các nhiệm vụ tự học một cách cụ thể, rõ ràng.
Xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học.	3. Xác định, lựa chọn phương án nhằm thực hiện nhiệm vụ tự học.	Chưa xác định được các phương án phù hợp thực hiện nhiệm vụ tự học.	Xác định được các phương án phù hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ tự học dưới sự hỗ trợ của giảng viên.	Tự mình xác định, chọn được phương án phù hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ tự học.	Tự mình và hướng dẫn được người khác xác định, chọn được phương án phù hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ tự học.

	4. Dự kiến kết quả/ sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ tự học.	Chưa dự kiến kết quả/ sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ tự học.	Còn lúng túng, cần sự hướng dẫn của giảng viên trong việc dự kiến kết quả/ sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ tự học.	Dự kiến kết quả/ sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, rõ ràng.	Dự kiến kết quả/ sản phẩm cần đạt được theo từng nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, rõ ràng, nhanh chóng, có tính khả thi cao.
	5. Lập kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ tự học.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ không rõ ràng. Không đạt được kết quả/ sản phẩm tự học theo dự kiến.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ rõ ràng nhưng không hoàn thành tất cả các nhiệm vụ hoặc hoàn thành không đúng hạn.	Thực hiện kế hoạch vạch ra theo đúng tiến độ, linh hoạt và có hiệu quả cao.	Thực hiện kế hoạch vạch ra vượt tiến độ, linh hoạt và có hiệu quả cao. Hướng dẫn được người khác trong việc lập kế hoạch, thực hiện các nhiệm vụ tự học.
	6. Sử dụng nguồn phương tiện hỗ trợ tự học.	Chủ yếu tra cứu, khai thác thông tin từ giáo trình, tài liệu. Chưa sử dụng được CNTT và ngoại ngữ.	Biết cách sử dụng CNTT, ngoại ngữ nhưng chưa thành thạo, hiệu quả chưa cao trong quá trình tra cứu, khai thác thông tin phục vụ tự học.	Sử dụng CNTT ngoại ngữ thành thạo, hiệu quả trong quá trình tra cứu, khai thác thông tin phục vụ tự học.	Sử dụng CNTT ngoại ngữ thành thạo, hiệu quả cao, hướng dẫn được người khác cách tra cứu, khai thác thông tin phục vụ tự học.
Thực hiện tự đánh giá, điều chỉnh hoạt động tự học.	7. Thực hiện tự đánh giá.	Còn lúng túng, tự đánh giá không đúng thực chất hoạt động tự học.	Biết cách tự đánh giá hoạt động tự học.	Tự đánh giá khách quan, chính xác kết quả tự học.	Tự đánh giá khách quan, chính xác kết quả tự học, hướng dẫn được người khác trong tự đánh giá.
	8. Điều chỉnh hoạt động tự học.	Chưa điều chỉnh được hoạt động tự học.	Còn chậm trong việc điều chỉnh hoạt động tự học.	Linh hoạt và có hiệu quả trong điều chỉnh được hoạt động tự học.	Linh hoạt, hiệu quả cao, hướng dẫn được người khác trong điều chỉnh hoạt động tự học.

Qui ước điểm năng lực tự học cho từng tiêu chí (x):